

Bản án số: 85/2025/DS-PT

Ngày: 30/5/2025

V/v: “*Tranh chấp hậu quả pháp
lý và bồi thường thiệt hại khi hợp
đồng vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Ông Phạm Tiến Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp về hậu quả pháp lý và bồi thường thiệt hại khi hợp đồng vô hiệu*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2025/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị Kim P, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 240, ấp 3B, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 50, đường NG2, khu phố 8, phường CPH, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bà Lê Thị Hoài Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 50, đường NG2, khu phố 8, phường CPH, thành phố BC, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

3. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 75, đường ĐBP, khu phố NT, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1. Người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Thị Bích P1; sinh năm: 1995; địa chỉ: Ấp 8, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Thái Thị Kim P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Thái Thị Kim P là ông Lâm Thanh T trình bày:

Trước đó bà Thái Thị Kim P có cho ông Nguyễn Văn Th, bà Cao Thị K vay 100.000.000 đồng, đồng thời ông Th, bà K hứa nếu không trả được tiền thì sẽ cắt 10m chiều ngang thửa đất để trừ nợ (Thửa đất tọa lạc Ấp 3B, xã LT). Tuy nhiên, thông qua quen biết và tìm hiểu, bà P biết được bà Nguyễn Thị D đã nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất của gia đình ông Th, bà K (Bà D nhận chuyển nhượng thông qua hình thức ông Th, bà K ký hợp đồng ủy quyền cho bà D được quyền chuyển nhượng toàn bộ thửa đất). Vì sợ không được ông Th, bà K trả nợ và sợ mất đất nên bà P đã gặp bà D thỏa thuận để nhận chuyển nhượng lại thửa đất mà bà D trước đó đã mua của ông Th, bà K. Vì vậy, ngày 03/08/2021, bà P cùng bà Nguyễn Thị D đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1 để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 885, diện tích 1.088 m², tọa lạc Ấp 3B, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước, đất đã được Ủy Ban nhân dân huyện LN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00613, do Ủy ban nhân dân huyện LN cấp ngày 19/02/2014 mang tên ông Nguyễn Văn Th và Bà Cao Thị K. Bà Nguyễn Thị D được ông Nguyễn Văn Th và bà Cao Thị K ủy quyền chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên. Giá nhận chuyển nhượng thực tế là 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng). Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid 19 nên ngày 03/08/2021 bà P và bà D chỉ ký vào hợp đồng chuyển nhượng và bà P đã chuyển khoản số tiền 596.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi sáu triệu đồng vào tài khoản của bà D, đến ngày 07/09/2021, tình hình dịch Covid được nói lỏng Văn phòng công chứng mới công chứng Hợp đồng cho hai bên. Đến ngày 24/12/2021 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã được điều chỉnh biến động ở trang IV cụ thể : “ Chuyển nhượng cho bà Thái Thị Kim P Sau đó, do gia đình bà K không bàn giao đất và tài sản trên đất nên bà P khởi kiện đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LN buộc bà K và hàng thừa kế thứ nhất của ông Th (do ông Th đã chết) bàn giao toàn bộ thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00613 do Ủy ban nhân dân huyện LN cấp ngày 19/02/2014, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và cây trồng trên đất.

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LN thì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng vào ngày 07/9/2021 giữa bà P và bà Nguyễn Thị D đồng thời buộc bà K và hàng thừa kế thứ nhất của ông Th bàn giao nhà đất cho bà P. Tuy nhiên tại Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Cao Thị K cụ thể: Tuyên chấm dứt hiệu lực đối với hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 12/07/20021 giữa ông Nguyễn Văn Th, bà Cao Thị K với bà Nguyễn Thị D vì cá nhân giao kết hợp đồng với người chết thì hợp đồng chấm dứt được quy định tại Điều 422 Bộ luật dân sự 2015 (ông Th chết ngày 01/09/2021 nên Hợp đồng ủy quyền cũng chấm dứt vào ngày 01/09/2021); Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng vào ngày 07/09/2021 giữa bà Nguyễn Thị D và bà Thái Thị Kim P vô hiệu vì chủ thể của hợp đồng không đảm bảo theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 (bà D đã không còn tư cách người đại diện theo ủy quyền từ ngày 01/09/2021).

Theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 186/2023/DS-PT ngày 23-09-2023 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước nêu trên thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 07/09/2021 giữa bà P và bà Nguyễn Thị D vô hiệu. Vì vậy, Căn cứ Điều 131- Bộ luật dân sự 2015 Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu quy định Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Nên bà P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà P số tiền 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng). Tại phiên Tòa bà P chỉ yêu cầu bà D trả cho bà P số tiền là: 594.000.000 đồng tại vì thực tế khi giao tiền cho bà D thì bà D chỉ nhận số tiền là: 596.000.000 đồng từ bà P.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn buộc bà P phải trả lại tiền chi phí đi lại cho bà D với số tiền: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thì bên phía nguyên đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt, tuy nhiên trong đơn phản tố ghi ngày 16/8/2024 và bản tự khai ngày 20/12/2024, bà D trình bày:

Hiện nay bà Thái Thị Kim P khởi kiện yêu cầu bà D trả lại cho bà P số tiền là 600.000.000 đồng bà D nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/9/2021 giữa bà D và bà P thì bà D không đồng ý vì:

Bà D chỉ là người được ủy quyền của chủ đất là ông Th, bà K. Số tiền 600.000.000đ này bà D không được nhận mà bà D đưa lại cho chủ đất là ông Th, bà K nhận. Bà D chỉ là người ở giữa để thực hiện giao dịch giùm cho ông Th, bà K. Quá trình giao dịch giữa hai bên bà D phải tốn kém các chi phí: tiền công lao

động các ngày đi thực hiện công việc cho bà P, chi phí đi lại, công chứng, sang tên, giao dịch... theo yêu cầu của bà P là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Vì vậy bà D làm đơn phản tố này yêu cầu Tòa án buộc bà P trả lại cho bà D các khoản chi phí trên.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị D1 là bà Phạm Thị Bích P1 vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong văn bản trình bày ý kiến và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà Phạm Thị Bích P1 trình bày:

Với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1, tỉnh Bình Phước giải trình như sau:

Thứ nhất, Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị D1 không có ý kiến gì về “Tranh chấp về hậu quả pháp lý khi hợp đồng vô hiệu” nêu trên.

Thứ hai, Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1 thực hiện việc cung cấp bản sao văn bản công chứng và các giấy tờ khác có liên quan đến vụ án nêu trên gửi kèm theo Công văn này, bao gồm:

Bản sao Hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 006959, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1, tỉnh Bình Phước ngày 07/9/2021 và các giấy tờ khác có liên quan; Bản sao Hợp đồng ủy quyền số công chứng 6307, quyền số 01/2021 TP/CC- SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1, tỉnh Bình Phước ngày 12/7/2021 và các giấy tờ khác có liên quan.

Bên phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 202, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Kim P: Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả lại cho bà Thái Thị Kim P số tiền: 594.000.000 (Năm trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Thái Thị Kim P phải bồi thường cho bà D tiền công lao động

các ngày đi thực hiện công việc cho bà P, chi phí đi lại, công chứng, sang tên, giao dịch theo yêu cầu của bà P là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bị đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/02/2025, bị đơn Bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên không chấp nhận kháng của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị D làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị D được ông Nguyễn Văn Th và bà Cao Thị K ký Hợp đồng ủy quyền số 6307, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/7/2021. Theo đó, bà D được quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, nhận cọc, ủy quyền cho người thứ 3... đối với thửa đất số 885, diện tích 1.088 m², tọa lạc Ấp 3B, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước, đất đã được Ủy Ban nhân dân huyện LN cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00613, cấp ngày 19/02/2014 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Cao Thị K (thửa đất 885). Ngày 03/08/2021, bà P cùng bà Nguyễn Thị D đến Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1 để ký

kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 885. Giá nhận chuyển nhượng thực tế là 600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng). Đến ngày 24/12/2021, thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã được điều chỉnh biến động ở trang IV cho bà Thái Thị Kim P. Sau đó, do gia đình bà K không bàn giao đất và tài sản trên đất nên bà P đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LN buộc bà K và hàng thừa kế thứ nhất của ông Th (do ông Th đã chết) bàn giao toàn bộ thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00613 do Ủy ban nhân dân huyện LN cấp ngày 19/02/2014, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và cây trồng trên đất. Sau khi Tòa án nhân dân huyện LN xét xử thì bản án bị kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 186/2023/DS-PT ngày 23/9/2023 của Tòa tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm, quyết định: Tuyên chấm dứt hiệu lực đối với hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 12/7/2021 giữa ông Nguyễn Văn Th, bà Cao Thị K (Hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1 công chứng số 6307, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/7/2021). Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng vào ngày 07/9/2021 giữa bà Nguyễn Thị D và bà Thái Thị Kim P (Hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1 công chứng số 006959, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2021) vô hiệu. Do đó bà Thái Thị Kim P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại cho bà Thái Thị Kim P số tiền 594.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử nhận định.

Sau khi bà D được bà K, ông Th ủy quyền thông qua hợp đồng ủy quyền thì vào ngày 07/9/2021 giữa bà Nguyễn Thị D và bà Thái Thị Kim P ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1, công chứng số 006959, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2021.

Tại các tài liệu, hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 129/2023/TLPT-DS ngày 09/8/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền*” của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì bà Nguyễn Thị D thừa nhận vì mục đích mua đi bán lại, đỡ tốn thời gian và chi phí sang tên nên cùng ông Th1, bà K đã ký hợp đồng ủy quyền cho bà. Ngoài ra bà Cao Thị K, ông Võ Hữu Th1, bà Nguyễn Thị N đều xác định bà Nguyễn Thị D trả tiền cho ông Võ Hữu Th1 để hủy hợp đồng chuyển nhượng giữ ông Nguyễn Văn Th và Cao Thị K và ông Th. Theo đó phía ông Th, bà K ký Hợp đồng ủy quyền số 6307, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/7/2021 cho bà D. Số tiền bà D nhận từ bà P để ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1 công chứng số 006959, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2021 bà D cũng không đưa lại cho bà K, ông Th.

Hiện nay bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện bà Cao Thị K và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền đã nhận của bà D từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 550.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại tính theo lãi suất 20%/năm tạm tính từ ngày 12/7/2021 đến ngày 12/01/2024 là: 274.780.000 đồng trong một vụ án khác, Tòa án nhân dân huyện LN đã thụ lý vụ án số 34A/TB-TLVA ngày 07/3/2024.

Do đó, đủ cơ sở xác định được giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Th, bà Cao Thị K có việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 885 nhưng không ký hợp đồng chuyển nhượng mà ký hợp đồng ủy quyền ngày 12/7/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị D1. Trong vụ án này bà D cho rằng mình chỉ là người thực hiện theo hợp đồng ủy quyền và không được sử dụng số tiền nhận từ bà P là không có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Nguyễn Thị D phải trả lại cho bà Thái Thị Kim P số tiền: 594.000.000 (Năm trăm chín mươi bốn triệu) đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà D không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm để chứng minh cho kháng cáo của mình. Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí:

Do kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D được không chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,
Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 07/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 202, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Kim P: Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả lại cho bà Thái Thị Kim P số tiền: 594.000.000 (Năm trăm chín mươi bốn triệu) đồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Thái Thị Kim P phải bồi thường cho bà D tiền công lao động các ngày đi thực hiện công việc cho bà P, chi phí đi lại, công chứng, sang tên, giao dịch theo yêu cầu của bà P là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 27.760.000 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi ngàn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng bà D đã nộp ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006765 ngày 04/12/2024. Số tiền còn lại bị đơn bà D phải nộp là: 25.260.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Thái Thị Kim P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN trả lại cho bà P số tiền 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006262 ngày 07/5/2024.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006918 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LN.

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D phải trả lại cho bà Thái Thị Kim P số tiền: 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước (1);
- Chi cục THADS huyện LN (1);
- TAND huyện LN (1);
- VKSND huyện LN (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: HSVA (1), Tổ HCTP (1), KT (1),
Tòa DS (1), PKTNV (1); ĐTPT (15)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Hạnh